

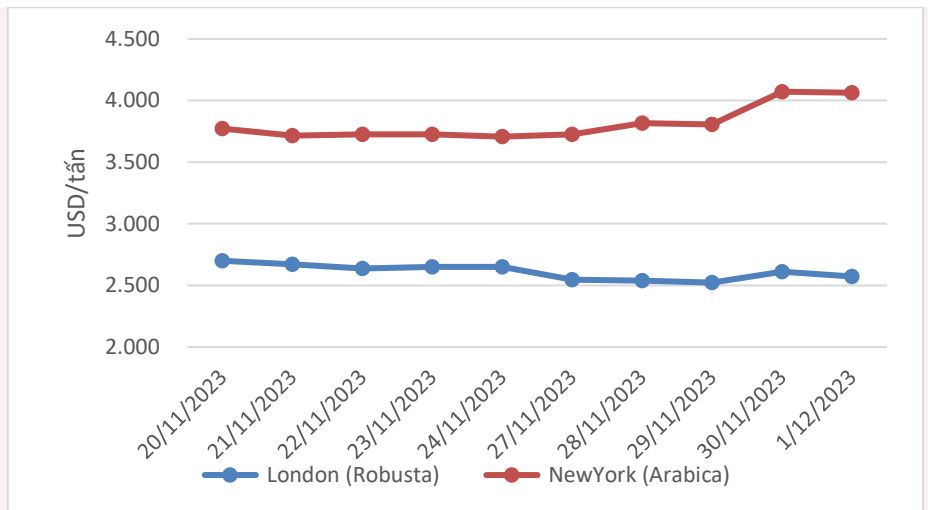


BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta tại thị trường London kỳ hạn tháng 1/2024 đạt mức bình quân 2.558 USD/tấn, giảm 3,91% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica tại thị trường New York kỳ hạn tháng 3/2024 đạt mức bình quân 3.897 USD/tấn, tăng 4,49 % so với tuần trước.
- ❖ Theo Liên đoàn Cà phê châu Âu (ECF), hết tháng 10/2023, tổng sản lượng cà phê lưu trữ tại các cảng trong khu vực châu Âu đạt 506,411 tấn, giảm 9,4% so với tháng 9/2023.
- ❖ Theo USDA, dự báo sản lượng cà phê xanh Colombia niên vụ 2023 – 2024 (từ tháng 9-2023 đến tháng 10-2024) đạt 11,5 triệu bao (bao 60kg), tăng 7,5% so với niên vụ trước.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Tuần 48 (từ 27/11/2023 đến 01/12/2023), giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 1/2024 tại thị trường London đạt 2.558 USD/tấn, giảm 3,91% so với tuần trước nhưng tăng 36,4% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.611 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 2.523 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2024 bình quân đạt 3.897 USD/tấn, tăng 4,49% so với mức giá tuần trước, và tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.072 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.727 USD/tấn. [1]

Giá cà phê Arabica tăng do tồn kho giảm sâu, thị trường lo ngại thiếu hụt nguồn cung tạm thời. Tính đến hết ngày 30/11/2023, tồn kho cà phê Arabica tại thị trường New York đạt 224,1 nghìn bao, mức thấp nhất kể từ tháng 3/1999.[2]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

Châu Âu:

Theo Liên đoàn Cà phê châu Âu (ECF), tổng sản lượng cà phê lưu trữ tại các cảng trong khu vực châu Âu tính đến hết tháng 10/2023 đạt 506,411 tấn, giảm 9,4% so với tháng 9/2023, là mức thấp nhất theo tháng kể từ năm 2017. Trong các loại cà phê khu vực này đang lưu trữ, cà phê Robusta giảm mạnh nhất, giảm 49% so với tháng trước, tương đương giảm 25,1 nghìn tấn.[3]

Vương quốc Anh:

Theo Hải quan Vương quốc Anh, nhập khẩu cà phê của nước này đạt 19,9 nghìn tấn, trị giá 117,3 triệu bảng Anh (149,2 triệu USD) trong tháng 8/2023, tăng 0,45% về lượng nhưng giảm 1,46% về giá trị so với tháng trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, sản lượng nhập khẩu đạt 168,1 nghìn tấn, trị giá 987,23 triệu bảng Anh (1,25 tỷ USD), giảm 19,03% về lượng nhưng tăng 1,94% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Vương quốc Anh nhập khẩu cà phê từ hơn 60 thị trường trong 8 tháng năm 2023, trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam là lớn nhất với trên 30 nghìn tấn, tiếp đến là Brazil với gần 29 nghìn tấn, Hà Lan với gần 16 nghìn tấn.[4]

Hoa Kỳ:

Theo số liệu từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, sản lượng cà phê nhập khẩu của nước này đạt xấp xỉ 1,1 triệu tấn, trị giá 6,34 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2023, giảm 12,7% về lượng và giảm 12,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Giá nhập khẩu bình quân đạt 5.784 USD/tấn, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm ngoái.[5]

Colombia:

Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng cà phê xanh Colombia niên vụ 2023 - 2024 (từ tháng 9/2023 đến tháng 10/2024) dự báo đạt 11,5 triệu bao (60kg/bao), tăng 7,5% so với niên vụ trước, do lượng mưa giảm 10%-30% ở một số vùng trồng và nhiệt độ cao hơn tạo điều kiện cho cây cà phê phát triển. Xuất khẩu cà phê xanh ước

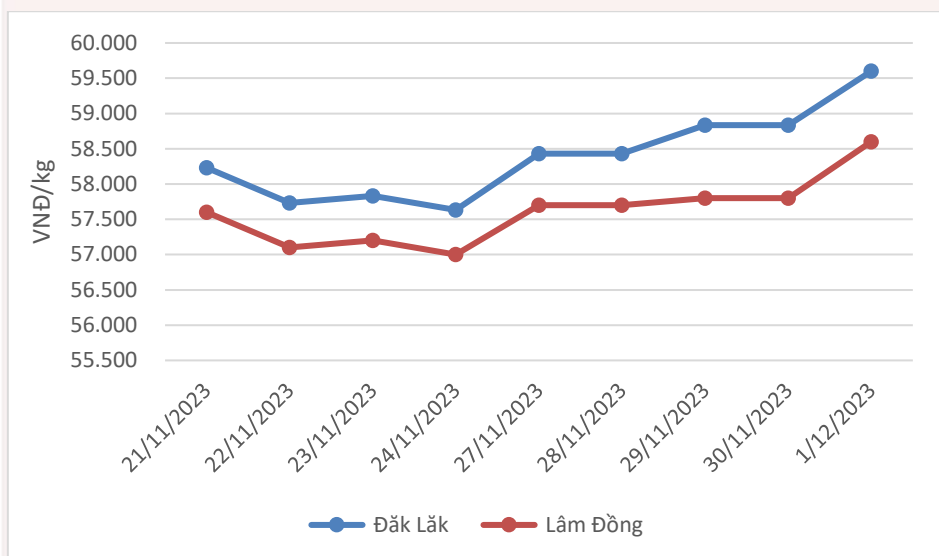
đạt 12 triệu bao. Để đáp ứng nhu cầu nội địa, Colombia sẽ nhập khẩu khoảng 2,5 triệu bao cà phê xanh, chủ yếu từ Brazil do giá rẻ hơn.[6]

Theo Liên đoàn người trồng cà phê tại Colombia, năm 2023, sản lượng cà phê Arabica đạt từ 11,6 đến 12 triệu bao. Colombia đang thực hiện chương trình tái canh 20% diện tích trồng cà phê mỗi năm với mục tiêu tăng sản lượng cà phê Arabica lên 14 triệu bao vào năm 2025 và tăng lên 16 triệu bao vào năm 2027.[7]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng tuần này. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 58.827 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 57.920 VNĐ/kg.
- ❖ Niên vụ 2022-2023 (từ tháng 10-2022 đến tháng 9-2023), xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt gần 1,7 triệu tấn, giảm 4,5% so với niên vụ 2021-2022.
- ❖ Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt gần 1,36 triệu tấn, trị giá 3,5 triệu USD, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2022.
- ❖ Theo Tổng cục Hải quan, tháng 10/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,7 nghìn tấn, trị giá 6,31 triệu USD tăng 11,2% về lượng và tăng 22,2% về giá trị so với tháng trước.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 58.827 VNĐ/kg, tăng 1,72% so với tuần trước (tăng 993 VNĐ/kg), và tăng 44,56% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 57.920 VNĐ/kg, tăng 1,14% so với tuần trước (tăng 653 VNĐ/kg), và tăng 43,86% so với cùng kỳ năm trước. [8]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Tình hình xuất khẩu cà phê Việt Nam tháng 11/2023

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt gần 1,36 triệu tấn, trị giá 3,5 triệu USD, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2022. Tuy nhiên, sản lượng cà phê đã giảm trong 2 tháng gần đây do lượng tồn kho của cà phê Việt Nam thấp. [9]

Top 3 thị trường xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong 10 tháng 2023

Theo Tổng cục Hải quan, 3 thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 10 tháng 2023 là Đức, Italia, Nhật Bản. Cụ thể, Đức là thị trường xuất khẩu lớn nhất với sản lượng đạt gần 150 nghìn tấn, tương đương 335,49 triệu USD, giảm 15,4% về lượng, và giảm 11,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Đứng thứ hai là thị trường Italia với sản lượng đạt 119,4 nghìn tấn, đạt 266,11 triệu USD, giảm 0,4% về lượng nhưng tăng 4% về giá trị. Thị trường Nhật Bản đứng thứ ba đạt 88.070 tấn, đạt 252,5 triệu USD, giảm 3,6% về lượng, tăng 13,3% về giá trị. [8]

Xuất khẩu cà phê Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 10/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,7 nghìn tấn, trị giá 6,31 triệu USD tăng 11,2% về lượng và tăng 22,2% về giá trị so với tháng trước; giảm 78,8% về lượng và giảm 69,3% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu bình quân đạt 3.586 USD/tấn, tăng 9,9% so với tháng 9/2023 và tăng 45,1% so với tháng 10/2022.

Lũy kế 10 tháng năm 2023, Việt Nam đã xuất khẩu 93,8 nghìn tấn cà phê sang thị trường này, thu về 225 triệu USD, giảm 3,5% về lượng và giảm 4,3% về giá trị so với cùng kỳ. Giá xuất khẩu bình quân giảm 0,8% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 2.397 USD/tấn.[9]

Về chủng loại, xuất khẩu cà phê Robusta chiếm 79% tổng sản lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong 10 tháng năm 2023, tăng 68,4% so với cùng kỳ năm trước; cà phê Arabica chiếm 10,46%, giảm 16,97 cà phê chế biến chiếm 10,54%, giảm 14,63%.[9]

Quảng Trị:

Diện tích trồng cà phê của Quảng Trị đạt 3,7 nghìn ha, chủ yếu là cà phê Arabica. Trong đó, diện tích cà phê chất lượng cao, đặc sản là 145 ha. Sản lượng cà phê của tỉnh đạt khoảng 4,4 nghìn tấn/năm, nhưng sản lượng cà phê xuất khẩu chỉ khoảng 100 tấn/năm. Sản xuất cà phê tại Quảng Trị đang gặp nhiều khó khăn như năng suất thấp, chất lượng sản phẩm không đồng đều, diện tích cà phê có chứng nhận tiêu chuẩn xuất khẩu ít, thiếu liên kết bền vững giữa doanh nghiệp và người dân.[10]

Lâm Đồng:

Công ty Cổ phần chứng nhận và kiểm nghiệm FAO vừa cấp Chứng nhận cho 50 ha cà phê Arabica tại thôn Tu Poh, xã Đạ Chais, huyện Lạc Dương đạt tiêu chuẩn TCVN 11041 – 2: 2017, phù hợp quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, với thời hạn 2 năm. [11]

Diện tích cà phê hữu cơ này do Công ty TNHH Daisy International liên kết với khoảng 60 nông hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại buôn làng Tu Poh, canh tác theo tiêu chuẩn an toàn, bền vững 4C, UTZ, Rainforest..., với sản lượng khoảng 350 tấn/năm.[11]

Đắk Nông:

Theo phòng nông nghiệp huyện Đắk Mil, diện tích trồng cà phê trên địa bàn huyện đạt 21,2 nghìn ha, chiếm 62% tổng diện tích trồng cây lâu năm, với sản lượng bình quân hàng năm đạt 47,8 nghìn tấn. Trong đó, diện tích sản xuất cà phê bền vững theo các tiêu chuẩn VietGAP, UTZ, 4C, Fretray... đạt 1,5 nghìn ha. Để nâng cao chất lượng cà phê, huyện Đắk Mil đã đẩy mạnh tuyên truyền cho người dân chú trọng bảo đảm kỹ thuật khâu thu hoạch, bảo quản, sơ chế. [12]

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. kinthe.congthuong.vn
3. kinthe.congthuong.vn
4. [Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại - Bộ Công Thương](#)
5. [Cục Xuất nhập khẩu-Bộ Công thương](#)
6. fas.usda.gov
7. iandmsmith.com
8. vinanet.vn
9. kinhte.congthuong.vn
10. nongnghiep.vn
11. baolamdong.vn
12. baodaknong.vn

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	57.700	57.700	57.800	57.800	58.600	57.920	653
Di Linh	57.700	57.700	57.800	57.800	58.600	57.920	520
Lâm Hà	57.700	57.700	57.800	57.800	58.600	57.920	720
Bảo Lộc	57.700	57.700	57.800	57.800	58.600	57.920	720
ĐẮK LẮK	58.433	58.433	58.833	58.833	59.600	58.767	933
Cư M'gar	58.500	58.500	58.900	58.900	59.700	58.700	800
Ea H'leo	58.400	58.400	58.800	58.800	59.600	58.800	1.000
Buôn Hồ	58.400	58.400	58.800	58.800	59.600	58.800	1.000
ĐẮK NÔNG	58.250	58.250	58.750	59.450	58.750	58.690	1.100
Gia Nghĩa	58.300	58.300	58.800	59.500	58.800	58.740	1.100
Đắk R'lấp	58.200	58.200	58.700	59.400	58.700	58.640	1.100
GIA LAI	58.133	58.133	58.633	58.600	59.467	58.593	1.020
Chư Prông	58.200	58.200	58.700	58.600	59.400	58.620	980
Pleiku	58.100	58.100	58.600	58.600	59.500	58.580	1.040
La Grai	58.100	58.100	58.600	58.600	59.500	58.580	1.040
KON TUM	58.200	58.200	58.700	58.600	59.400	58.620	980
Đắk Hà	58.200	58.200	58.700	58.600	59.400	58.620	980

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn